

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 08/2024
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 06/08/2024

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	30	30	-	17,180
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	-	36,080
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	40	40	-	35,480
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	20	20	-	50,480
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	40	30	10	14,510
6	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	50	50	-	60,000
7	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	40	50	(10)	65,930
8	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	-	56,250
9	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	69,000
10	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	-	36,150
11	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	-	139,800
12	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	55,230
13	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	20	20	-	19,730
14	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	-	61,080
15	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	40	40	-	49,000
16	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	-	63,450
17	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	30	40	(10)	14,670
18	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	-	15,000
19	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	22,800
20	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	-	70,500
21	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	-	73,420
22	CMX	Công ty Cổ phần Camimex Group	100	20	30	(10)	15,530
23	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	-	57,000
24	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	-	20,330
25	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	40	40	-	55,950
26	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	100	30	30	-	99,750
27	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	-	47,330
28	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	-	134,990
29	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	-	36,000
30	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	100	30	30	-	58,890
31	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	30	20	39,900
32	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	50	(20)	18,000
33	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	80	30	30	-	30,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
34	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	-	53,630
35	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	-	163,430
36	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	40	40	-	76,430
37	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	40	10	61,350
38	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	-	57,830
39	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	-	138,110
40	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	20	40	(20)	68,240
41	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	-	36,450
42	DNP	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	100	50	50	-	25,000
43	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	40	40	-	75,600
44	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	52,500
45	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	40	10	62,250
46	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	40	40	-	51,680
47	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	-	83,250
48	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	50	40	10	109,950
49	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	40	30	10	21,450
50	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	-	24,000
51	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	-	14,000
52	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	30	20	10	8,760
53	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	-	72,900
54	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	-	154,790
55	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	-	39,420
56	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	-	115,200
57	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	30	30	-	22,350
58	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	-	21,000
59	GIL	Công ty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh	100	10	10	-	46,050
60	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	40	40	-	116,550
61	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	50	50	-	19,280
62	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	40	40	-	38,230
63	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	-	64,500
64	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	20	30	(10)	23,180
65	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	50	-	30,120
66	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	37,580
67	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	30	30	-	27,480
68	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	40	10	42,750
69	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	50	25	25	-	100,000
70	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	-	37,370
71	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	30	20	10	3,440
72	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	40	10	32,510
73	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	20	20	-	15,600
74	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	90	45	45	-	20,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
75	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	85,500
76	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	40	30	10	14,000
77	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	30	50	(20)	22,430
78	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	-	113,700
79	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	50	50	-	41,630
80	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	-	84,160
81	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	-	35,580
82	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	40	30	10	14,760
83	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	-	28,200
84	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	-	16,280
85	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	20	20	-	5,850
86	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	-	59,700
87	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	-	40,850
88	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	-	35,930
89	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	-	39,590
90	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	-	21,830
91	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	40	30	10	80,000
92	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	40	50	(10)	63,530
93	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	50	50	-	26,100
94	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	100	20	30	(10)	35,700
95	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	-	110,350
96	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	-	145,350
97	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	30	30	-	34,800
98	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	30	30	-	48,600
99	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	40	50	(10)	33,080
100	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	30	50	(20)	30,000
101	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	40	40	-	39,450
102	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	-	89,500
103	NVL	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	100	50	50	-	12,000
104	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	-	21,830
105	PAC	Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	100	50	50	-	47,660
106	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	40	10	33,300
107	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	100	50	50	-	42,600
108	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	-	25,000
109	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	20	50	(30)	38,480
110	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	21,830
111	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	51,000
112	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	-	48,900
113	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	30	30	-	9,410
114	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	-	84,150

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
115	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	30	40	(10)	38,400
116	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	50	-	69,530
117	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	-	142,200
118	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	19,350
119	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	42,300
120	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	20	20	-	19,820
121	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	-	41,550
122	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	30	50	(20)	10,500
123	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	-	77,250
124	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	61,500
125	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	-	41,400
126	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai	100	30	20	10	8,970
127	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	100	50	50	-	227,250
128	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	-	105,750
129	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	40	30	10	14,400
130	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	-	81,000
131	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	30	30	-	9,530
132	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	-	48,000
133	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	40	40	-	19,650
134	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	40	30	10	6,530
135	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	-	128,250
136	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	16,580
137	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	-	12,500
138	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	30	20	24,900
139	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	-	70,000
140	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	-	291,900
141	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	40	30	10	53,180
142	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	-	32,850
143	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	-	46,650
144	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	-	43,200
145	STK	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ	100	30	30	-	30,900
146	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	30	30	-	42,530
147	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	50	40	10	40,120
148	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	-	66,000
149	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	-	34,130
150	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	50	50	-	26,630
151	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	20	20	-	73,650
152	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	40	50	(10)	75,000
153	THT	Công ty cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	100	50	50	-	19,200

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
154	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	30	10	37,500
155	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	-	80,700
156	TMT	Công ty Cổ phần Ô tô TMT	100	50	50	-	12,000
157	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	80	40	40	-	48,000
158	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	50	40	10	36,750
159	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	-	26,700
160	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	-	8,700
161	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	-	118,800
162	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	40	40	-	60,600
163	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	80	40	40	-	8,000
164	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	20	20	-	49,350
165	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	50	50	-	28,990
166	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	-	20,000
167	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	-	125,840
168	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	30	20	27,150
169	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	30	20	52,990
170	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	-	103,200
171	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	-	74,100
172	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	100	50	50	-	105,750
173	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	-	56,700
174	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	-	31,200
175	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	40	40	-	47,970
176	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	20	30	(10)	20,330
177	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	-	15,000
178	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	40	40	-	23,550
179	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	-	98,400
180	VOS	Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	100	40	50	(10)	26,030
181	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	-	29,480
182	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	50	50	-	44,000
183	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	-	29,550
184	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	20	20	-	29,850
185	VSH	Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	100	40	50	(10)	66,130
186	VTO	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	100	30	30	-	22,500
187	AAM	Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong	0	0			0
188	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
189	ABS	Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận	0	0			0
190	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
191	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
192	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
193	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
194	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
195	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
196	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0
197	ADS	Công ty cổ phần Damsan	50	0			0
198	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
199	ALT	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	0	0			0
200	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
201	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
202	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	0	0			0
203	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
204	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
205	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
206	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
207	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	0	0			0
208	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	50	0			0
209	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
210	BBC	Công ty Cổ phần Bibica	0	0			0
211	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
212	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
213	BCG	Công ty cổ phần Bamboo Capital	50	0			0
214	BDB	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	0	0			0
215	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
216	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
217	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
218	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
219	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
220	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
221	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
222	BSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
223	BST	Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Bình Thuận	0	0			0
224	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
225	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
226	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
227	CAG	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	0	0			0
228	CAN	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	0	0			0
229	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
230	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Cù Chi	0	0			0
231	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
232	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
233	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
234	CET	Công ty Cổ phần HTC Holding	0	0			0
235	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
236	CIA	Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
237	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
238	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
239	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
240	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
241	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
242	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
243	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
244	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
245	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
246	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	0	0			0
247	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	50	0			0
248	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
249	CTF	Công ty cổ phần City Auto	0	0			0
250	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
251	CTP	Công ty cổ phần Minh Khang Capital Trading Public	50	0			0
252	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
253	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
254	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
255	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
256	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
257	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
258	DAH	Công ty cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á	0	0			0
259	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
260	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	0	0			0
261	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
262	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
263	DHM	Công ty cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu	0	0			0
264	DHP	Công ty Cổ phần Điện Cơ Hải Phòng	0	0			0
265	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
266	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
267	DMC	#N/A	0	0			0
268	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
269	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
270	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
271	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
272	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
273	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
274	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
275	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
276	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
277	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	0	0			0
278	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
279	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
280	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
281	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	0	0			0
282	EVE	Công ty cổ phần Everpia	0	0			0
283	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	0	0			0
284	FCM	Công ty cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
285	GDT	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành	0	0			0
286	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
287	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
288	GKM	Công ty Cổ phần Gạch Khang Minh	0	0			0
289	GLT	Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	0	0			0
290	GMA	Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam	0	0			0
291	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
292	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
293	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
294	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
295	HAP	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	0	0			0
296	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Tháo Điện	0	0			0
297	HAS	Công ty Cổ phần HACISCO	0	0			0
298	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
299	HBS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình	0	0			0
300	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
301	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	50	0			0
302	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
303	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
304	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
305	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	50	0			0
306	HID	#N/A	0	0			0
307	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
308	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
309	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
310	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
311	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
312	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
313	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	0	0			0
314	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	50	0			0
315	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
316	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
317	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	50	0			0
318	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
319	HTG	#N/A	0	0			0
320	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
321	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
322	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
323	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
324	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	50	0			0
325	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
326	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
327	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
328	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
329	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
330	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	50	0			0
331	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	50	0			0
332	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
333	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
334	KDM	Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam	0	0			0
335	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khai Hoàn Land	0	0			0
336	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
337	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
338	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
339	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
340	KSD	Công ty cổ phần Đầu tư DNA	0	0			0
341	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
342	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
343	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
344	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
345	L14	Công ty CP LICOGI 14	0	0			0
346	L40	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40	0	0			0
347	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
348	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	0	0			0
349	LBE	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Long An	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
350	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
351	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
352	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
353	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	50	0			0
354	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
355	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
356	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
357	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
358	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
359	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
360	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
361	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
362	MED	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	0	0			0
363	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
364	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
365	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
366	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
367	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	0			0
368	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
369	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
370	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
371	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
372	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	50	0			0
373	NBP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	0	0			0
374	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
375	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	50	0			0
376	NDX	Công ty Cổ phần Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
377	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
378	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	0			0
379	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	50	0			0
380	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
381	NOI	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	50	0			0
382	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
383	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
384	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
385	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
386	ONE	Công ty Cổ phần Truyền thông số 1	0	0			0
387	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
388	ORS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	50	0			0
389	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
390	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
391	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	0	0			0
392	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
393	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
394	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
395	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
396	PGN	Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa	0	0			0
397	PGV	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	0	0			0
398	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
399	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
400	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
401	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
402	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
403	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0
404	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
405	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
406	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
407	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
408	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
409	POT	Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	0	0			0
410	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
411	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
412	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
413	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
414	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
415	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
416	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
417	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
418	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	0	0			0
419	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
420	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
421	PTD	CTCP Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Phúc Thịnh	0	0			0
422	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
423	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
424	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	0			0
425	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
426	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
427	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	0	0			0
428	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
429	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
430	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
431	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
432	SBG	#N/A	50	0			0
433	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	0	0			0
434	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
435	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
436	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
437	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
438	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
439	SDG	Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	0	0			0
440	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
441	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
442	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
443	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
444	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
445	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
446	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
447	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
448	SGD	Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại T.P Hồ Chí Minh	0	0			0
449	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
450	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
451	SGR	Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn	50	0			0
452	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
453	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
454	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
455	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
456	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
457	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	50	0			0
458	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
459	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	50	0			0
460	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
461	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	50	0			0
462	SMA	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	0	0			0
463	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá số hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
464	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
465	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	0	0			0
466	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
467	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	50	0			0
468	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
469	STG	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	0	0			0
470	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
471	SVI	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	0	0			0
472	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
473	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
474	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
475	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
476	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
477	TCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	50	0			0
478	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
479	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	0	0			0
480	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
481	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	50	0			0
482	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	0	0			0
483	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
484	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
485	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	50	0			0
486	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
487	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
488	THB	Công ty cổ phần Bìa Thanh Hóa	0	0			0
489	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
490	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
491	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
492	TIG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	50	0			0
493	TIX	CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	0	0			0
494	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
495	TLH	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	50	0			0
496	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
497	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
498	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
499	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
500	TN1	Cô phiêu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
501	TNH	Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	50	0			0
502	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
503	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
504	TPH	Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại T.P Hà Nội	0	0			0
505	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
506	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
507	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
508	TTH	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	0	0			0
509	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
510	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
511	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
512	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
513	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
514	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
515	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
516	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
517	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
518	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
519	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
520	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
521	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
522	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	50	0			0
523	VCA	Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	0	0			0
524	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
525	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
526	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
527	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	50	0			0
528	VE3	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	0	0			0
529	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
530	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
531	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	50	0			0
532	VHE	Cô phiếu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
533	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
534	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
535	VIT	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	0	0			0
536	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	50	0			0
537	VLA	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	0	0			0
538	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 08/2024(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T08/2024 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T08/2024	Tỷ lệ cho vay tháng T06/2024	Thay đổi	
539	VMD	Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	0	0			0
540	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
541	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
542	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
543	VNG	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	0	0			0
544	VNL	#N/A	0	0			0
545	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
546	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
547	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
548	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
549	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
550	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
551	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
552	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
553	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
554	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
555	VTC	Công ty Cổ phần Viễn thông VTC	0	0			0
556	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
557	VTV	Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng	0	0			0
558	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
559	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0
560	WSS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	0	0			0
561	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
562	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0